



The University of Sydney

Trường Luật Sydney

Tài liệu nghiên cứu pháp luật số
09/37

tháng 5 năm 2009

Tranh chấp biên giới biển ở phía Nam
Biển Trung Hoa: Các vấn đề pháp lý quốc tế

Gillian Triggs

Bài viết này có thể được tải xuống miễn phí từ Thư
viện điện tử của Mạng nghiên cứu khoa học xã hội
tại: <http://ssrn.com/abstract=1401189>.



Tranh chấp biên giới biển ở Biển Đông: các vấn đề pháp lý quốc tế

1. Giới thiệu

An ninh năng lượng hiện là một trong những mối quan tâm hàng đầu của thế giới, đặc biệt là đối với các quốc gia đang phát triển trong khu vực châu Á. Khi giá dầu tăng trong năm 2008 lên mức chưa từng có, các quốc gia ngày càng lo lắng trong việc bảo vệ khả năng tiếp cận các nguồn năng lượng đáng tin cậy của mình. Do đó, các yêu sách chồng chéo và gây tranh cãi đối với các khu vực ngoài khơi và trữ lượng hydrocarbon dồi dào dưới đáy biển đã trở nên gắn liền với vấn đề chính trị về an ninh năng lượng. Đã trở nên sáo rỗng khi nhận xét rằng, chừng nào các yêu sách xung đột về chủ quyền lãnh thổ và các ranh giới biển chồng lấn ở Biển Đông vẫn không thể giải quyết được thì các nguồn tài nguyên dầu khí trong khu vực vẫn không thể tiếp cận để khai thác. Sự bất lực trong lịch sử của các quốc gia yêu sách trong việc giải quyết các quan điểm pháp lý khác nhau của họ không nhất thiết phản ánh tính phù hợp của luật pháp quốc tế. Thay vào đó, thiếu ý chí chính trị để chấp nhận bất kỳ sự thỏa hiệp nào về các yêu sách tương ứng đối với các nguồn năng lượng có giá trị và sự miễn cưỡng sâu sắc trong việc đưa các tranh chấp lên tòa án quốc tế để đưa ra phán quyết tư pháp. Lập luận của bài viết này là hợp tác phát triển chung - theo đó vấn đề chủ quyền không thể giải quyết được được đặt sang một bên - có thể có hiệu quả trong việc mở khóa nguồn tài nguyên không tái tạo được của Biển Đông để tất cả các bên tranh chấp đều có cơ hội được hưởng lợi. Hơn nữa, nếu các quốc gia hợp tác, điều này có thể kích thích lòng tin và sự tin cậy, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quản lý các mối quan tâm trong khu vực bao gồm bảo vệ các tuyến đường thương mại và hàng hải chiến lược, kiểm soát cướp biển, buôn bán ma túy, nghề cá và môi trường biển.

Về nguyên tắc, các tranh chấp lãnh thổ và hàng hải có thể được giải quyết theo luật pháp quốc tế. Luật pháp điều chỉnh việc giành lại chủ quyền và phân định ranh giới thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế đã được Tòa án Công lý Quốc tế và các tòa trọng tài quốc tế đặc biệt phát triển trong hơn 40 năm qua. Ví dụ, gần đây nhất là ICJ, trong các tranh chấp giữa Indonesia và Malaysia về quần đảo Sipidan và Ligitan, giữa Singapore và Malaysia về Pedra Branca/Pulau Batu Puteh, Middle Rocks và South Ledge và giữa Ukraine và Romania về các vùng biển ở Biển Đen. sea, đã đưa ra định hướng rõ ràng về cách áp dụng các nguyên tắc pháp lý này vào các thực tế cụ thể. Tuy nhiên, người ta thừa nhận rằng luật pháp quốc tế có rất ít ứng dụng thực tế nếu các quốc gia vẫn không sẵn sàng cho phép các yêu sách của mình trở thành đối tượng của phán quyết tư pháp. Khi việc tiếp cận năng lượng an toàn được đặt lên hàng đầu trong các ưu tiên quốc gia, có những dấu hiệu đáng khích lệ rằng các quốc gia ở Biển Đông ngày càng cởi mở hơn với một số hình thức giải quyết tư pháp hoặc tìm kiếm một giải pháp thương lượng đối với các nguồn tài nguyên đang tranh chấp.

Bài viết này sẽ xem xét các nguyên tắc pháp lý quốc tế áp dụng ở Biển Đông. Người ta đề xuất rằng thỏa thuận cùng nhau khai thác các nguồn tài nguyên năng lượng dưới đáy biển - trên cơ sở trung lập về chủ quyền và không gây tổn hại nghiêm trọng - sẽ mang lại con đường hiệu quả nhất về phía trước. Quả thực, sự phát triển chung đảm bảo việc chia sẻ các nguồn tài nguyên không thể tái tạo mà mặt khác có thể bị đặt ở phía "sai" trong ranh giới được xét xử nếu tòa án được trao quyền tài phán để xác định ranh giới vĩnh viễn.

2. Tuyên bố tranh chấp, chồng lấn ở Biển Đông

Biển Đông được xác định cho mục đích phân tích này là vùng nước giáp với phía nam 1 độ vĩ độ Nam giữa Nam Sumatra và Kalimantan và về phía bắc giáp eo biển Đài Loan từ mũi phía bắc của Đài Loan đến bờ biển Phúc Kiến. Của Trung Quốc. Khu vực rộng khoảng 3 triệu km² nước này nằm phía trên thềm lục địa, (Thềm Sunda) gồm một triệu km² có đường đẳng sâu dưới 200 mét và 2 triệu mét vuông đáy biển sâu hơn 200 mét đường đẳng sâu. Thềm Sunda chủ yếu nằm ở phần phía tây và phía nam của Biển Đông, nơi được cho là có trữ lượng lớn hydrocarbon, dầu hóa thạch và khí tự nhiên.

Phần sâu hơn của thềm lục địa nằm xa hơn về phía đông bắc.¹ Ngoài nguồn thủy sản phong phú và đa dạng, Biển Đông là một trong những vùng biển chiến lược quan trọng nhất trên thế giới vì cả lý do quân sự và kinh tế đối với tất cả các quốc gia trên thế giới. vùng đất.

2.1 Quần đảo Trường Sa

Quần đảo Trường Sa là một quần đảo gồm hơn 400 bãi đá, rạn san hô và đảo nằm ở phía Nam Biển Đông, bao gồm 36 đảo (hoặc đá) nổi trên mặt nước khi thủy triều lên. Có khả năng, những thực thể này cung cấp cơ sở cho các yêu sách đối với biển và đáy biển có diện tích lên tới 617.000 km².² Điều đáng chú ý là các đảo và đá này đã hình thành trên các cột phát sinh từ đáy biển và không được bao quanh bởi thềm lục địa như các bờ biển đất liền của Trung Quốc, Malaysia và Việt Nam.³ Có suy đoán rằng quần đảo Trường Sa nằm phía trên một trữ lượng hydrocarbon béo bở lên tới 225 tỷ thùng.

⁴ Mỹ

Viện Hòa bình báo cáo ước tính của Trung Quốc là 130 triệu thùng dầu và khí đốt.⁵ Sáu quốc gia – Việt Nam, Philippines, Trung Quốc, Malaysia, Đài Loan và Brunei đưa ra các yêu sách chồng chéo và không rõ ràng, chủ yếu dựa trên cơ sở phát hiện, khoảng cách gần, lịch sử, sự chiếm đóng và nguyên tắc về sự kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền.

- Việt Nam chiếm đóng 19 đảo và bãi đá và với tư cách là một quốc gia thống nhất, yêu sách toàn bộ vùng đất phụ thuộc quyền về thềm lục địa.
- Philippines chiếm giữ 9 bãi đá hoặc đảo nhỏ và đưa ra yêu sách dựa trên việc khám phá, khoảng cách gần và chiếm đóng. Nước này cũng chiếm đảo “Kalayaan” (Đất tự do) được Tomas Cloma phát hiện năm 1956. Vẫn chưa rõ liệu yêu sách của Philippines có bao gồm các vùng biển nằm trong tọa độ được tuyên bố hay không.
- Trung Quốc chiếm giữ 8 đảo nhỏ hoặc bãi đá và vào năm 1993 đã đưa ra bản đồ về “các yêu sách lịch sử” của mình đối với các đảo, bãi đá và có lẽ cả bãi đá ở Biển Đông. Một bản đồ do Trung Hoa Dân Quốc vẽ vào năm 1947 với chín đường chấm chấm không xác định cung cấp thêm bằng chứng về yêu sách của Trung Quốc. Hiện chưa rõ liệu yêu sách này có bao gồm toàn bộ vùng biển ở Biển Đông hay không. Tuyên bố như vậy khó có thể xảy ra vì vào năm 1947, vùng biển duy nhất được luật pháp quốc tế biết đến là lãnh hải 3 hải lý. Tọa độ chỉ ra rằng yêu sách hàng hải của Trung Quốc chồng lên vùng đặc quyền kinh tế của Indonesia đã được thỏa thuận giữa Indonesia và Malaysia vào năm 1969. Trung Quốc đã đảm bảo với Indonesia rằng họ không có bất kỳ yêu sách ranh giới chồng chéo nào với nước này.
- Malaysia chiếm giữ năm đảo nhỏ hoặc bãi đá ở phía đông nam quần đảo Trường Sa và đóng căn cứ yêu sách về quyền lân cận và quyền thềm lục địa.
- Đài Loan đã chiếm đóng hòn đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa là Itu Aba (Taiping Dao) trong khoảng 20 năm. Đảo có chiều dài 1.400m, chiều rộng khoảng 370m, điểm cao nhất cao 2,4m so với mực nước thủy triều dâng cao. Đài Loan và đưa ra yêu sách của mình về cơ bản dựa trên cơ sở lịch sử giống như Trung Quốc. Hòn đảo này bị Nhật Bản chiếm đóng trong Thế chiến thứ hai, nhưng yêu sách này mất hiệu lực sau khi bị Quân Đồng minh đánh bại.
- Brunei Darussalam tuyên bố có vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa ở Biển Đông (bao gồm yêu sách năm 1984 đối với Đá Louisa ở Quần đảo Nam Trường Sa). Nó sử dụng đường thẳng chiếu theo UNCLOS và không đưa ra yêu sách đối với các rạn san hô ngoài khơi hoặc lãnh thổ bổ sung. Yêu sách của Brunei dựa trên nguyên tắc kéo dài lãnh thổ đất liền.

Với ngoại lệ đáng chú ý là Brunei, các bên yêu sách đã cố gắng chứng minh sự chiếm đóng hiệu quả bằng cách xây dựng các công trình và đóng quân trên các đảo. Với nguồn tài nguyên dầu mỏ phong phú được cho là tồn tại ở khu vực quần đảo Trường Sa, không có gì ngạc nhiên khi

¹ H. Djalal và Townsend-Gault, “Khái niệm: Ngoại giao phòng ngừa và tranh chấp ở Đông Nam Á”, Herding Cats: Multiparty Mediation in a Complex World, Viện Báo chí Hòa bình Hoa Kỳ, 1999 trang 107-133.

² JV Prescott và G. Triggs, Biên giới và ranh giới quốc tế: Luật, Chính trị và Địa lý, trang 341.

³ Như trên, tại 342

⁴ C. Schofield và I. Câu chuyện, “An ninh năng lượng và Đông Nam Á: Tác động đối với các tranh chấp lãnh thổ và ranh giới biển”, Harvard Asia Quarterly, Vol. XI, số 4, 2005.

⁵ Báo cáo đặc biệt số 18, tháng 8 năm 1996.

⁶ Schofield và Story, trích dẫn n.4.

quần đảo cũng là chủ đề của một cuộc xung đột quân sự lớn và một số sự cố nhỏ. Năm 1988, Trung Quốc và Việt Nam tranh chấp việc chiếm đóng Đá Chữ Thập và Trung Quốc đã đánh chìm ba tàu Việt Nam, khiến 72 người thiệt mạng. Năm 1992, Trung Quốc nhượng quyền khai thác dầu mỏ cho Công ty Crestone của Hoa Kỳ và chiếm đóng Đá Đà Lạt, triển khai ba tàu ngầm để tuần tra khu vực; điều này bất chấp Tuyên bố trước đó của ASEAN kêu gọi các quốc gia không sử dụng vũ lực trong khu vực. Năm 1995, Trung Quốc và Philippines xung đột về việc Trung Quốc chiếm đóng Đá Vành Khăn.

trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines.⁷

Bất chấp Tuyên bố của ASEAN về Cách ứng xử của các bên ở Biển Đông ngày 4 tháng 11 năm 2002, căng thẳng lại tiếp tục vào năm 2004 giữa Trung Quốc, Việt Nam và Đài Loan. Gần đây hơn, vào tháng 9 năm 2004, Trung Quốc, Philippines và Việt Nam đã đồng ý tiến hành nghiên cứu địa chấn chung trong 3 năm ở Biển Đông để xác định các khu vực thích hợp cho việc thăm dò và khai thác tiếp theo (Joint Marine Seismic Cam kết JMSU). Mỗi quốc gia này cũng đồng ý vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 về việc cùng khai thác dầu khí ở vùng biển tranh chấp. Điều phù hợp về mặt pháp lý là không có nguyên đơn nào còn lại phản đối JMSU.

2.2 Hoàng Sa

Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam đều tuyên bố chủ quyền đối với nhóm đảo Hoàng Sa ở phía đông nam Trung Quốc. 8Sau sự thất bại của chế độ quân sự ở Việt Nam năm 1974, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã chiếm đóng các đảo và tiếp tục làm như vậy cho đến ngày nay. Các yêu sách lãnh thổ tương ứng của Trung Quốc (và thông qua Trung Quốc, Đài Loan) và Việt Nam phần lớn mang tính chất lịch sử. Djalal và Townsend-Gault báo cáo rằng vấn đề này được coi là vấn đề song phương cần được đàm phán.⁹

2.3 Khu vực ngoài khơi Ambalat

Indonesia và Malaysia tuyên bố chủ quyền một phần biển Celebes (Sulawesi), ngoài khơi bờ biển phía đông của Borneo (Kalimantan đến Indonesia), được gọi là Ambalat. Như những ước tính điển hình về trữ lượng hydrocarbon ở Biển Đông, người ta cho rằng có nguồn tài nguyên khổng lồ từ 100 đến một tỷ thùng dầu. Mặc dù ICJ giải quyết vấn đề chủ quyền đối với các đảo Sipidan và Ligitan nhưng không phân định ranh giới trên biển giữa Indonesia và Malaysia. Không có gì đáng ngạc nhiên trong những trường hợp này, tranh chấp đã nảy sinh giữa họ vào tháng 2 năm 2005 khi Malaysia cấp giấy phép thăm dò cho công ty dầu khí riêng của mình, Petronas, hợp tác với các công ty thăm dò Royal Dutch và Shell. Các nhượng bộ này trùng lặp với các lô mà Indonesia tuyên bố chủ quyền, quốc gia này cũng đã đưa ra các nhượng bộ trong khu vực cho các công ty dầu mỏ của Ý và Hoa Kỳ. Cả hai quốc gia đều phản đối vấn đề nhượng bộ này và vấn đề leo thang vào tháng 3 năm 2005 khi lực lượng quân sự được điều động đến khu vực. Sự tăng cường quân sự và hải quân cùng nhiều sự cố đối đầu kể từ thời điểm đó (một đơn phản đối chính thức được đưa ra vào tháng 10 năm 2008) của Indonesia chống lại lực lượng vũ trang Malaysia tại các đảo trái với Hiến chương ASEAN¹⁰) cho thấy giá trị to lớn của các yêu sách tương ứng trong khu vực, từ uy tín quốc gia và an ninh các tuyến đường hàng hải đến an ninh năng lượng. Cả Indonesia và Malaysia đều không đưa ra bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy họ sẽ đàm phán yêu sách của mình.

2.4 Quần đảo Natuna

Quần đảo Natuna là một nhóm đảo khác ở Biển Đông đang có tranh chấp. Indonesia tuyên bố quần đảo này là một phần quần đảo của mình và Brunei trong khoảng 15 năm qua liên quan đến quần đảo này, bao gồm hơn 272 hòn đảo và nằm cách Borneo 150 dặm về phía tây bắc. Một lần nữa, các hòn đảo này rất hấp dẫn vì trữ lượng dầu và khí đốt của chúng được ước tính, theo báo cáo của John CK Daly là một trong những hòn đảo lớn nhất thế giới với trữ lượng 210 nghìn tỷ feet khối.¹¹ Indonesia và Trung Quốc có tuyên bố chủ quyền đang tranh chấp đối với quần đảo này. vùng biển phía Đông Bắc của các đảo này

⁷ S.Snyder, "Tranh chấp Biển Đông: Triển vọng cho Ngoại giao Phòng ngừa" tháng 8 năm 1996, Báo cáo đặc biệt số 18, Viện Hòa bình Hoa Kỳ.

¹¹ MS Samuels, Cuộc tranh giành Biển Đông (1982)

⁹ Op cit n. 1.

¹⁰ Viện Quan hệ Quốc tế Singapore, ngày 23 tháng 10 năm 2008

¹¹ Tóm tắt Trung Quốc, Tập 4, số 24, ngày 7 tháng 12 năm 2004

Các tranh chấp đáng chú ý khác trong khu vực là:

- Singapore và Malaysia về eo biển Johore và eo biển Singapore
- Vịnh Thái Lan: Malaysia, Campuchia, Thái Lan và Việt Nam
- Bãi cạn Scarborough: Philippines và Trung Quốc
- Mỏ khí Malampaya và Camago: Philippines và Trung Quốc

3 nỗ lực đạt được giải pháp ngoại giao

Các yêu sách cạnh tranh của các quốc gia về chủ quyền và các vùng biển ở Biển Đông được coi là mối đe dọa nghiêm trọng đối với hòa bình khu vực và quốc tế, dẫn đến nhiều phân tích về các tác động pháp lý, chính trị, tài nguyên và chiến lược. Ngoại giao đa phương và đàm phán song phương vẫn chưa tỏ ra thành công. Nỗ lực đánh giá mức độ tiếp thu của các quốc gia ASEAN đối với một giải pháp thương lượng được thực hiện từ năm 1989 với sự hỗ trợ của Bộ trưởng Ngoại giao Indonesia, Tiến sĩ Ali Alatas.

Sáng kiến này dẫn đến hội thảo đầu tiên trong số nhiều hội thảo về Biển Đông, được tổ chức tại Bali vào tháng 1 năm 1990 với sự tham dự của các Đại biểu ASEAN. Quá trình này được mô tả là “Ngoại giao giai đoạn 2” trên cơ sở các cuộc thảo luận diễn ra không chính thức và những người tham gia hành động theo năng lực cá nhân của họ.¹² Hàng loạt hội thảo và sự xuất hiện của các Nhóm công tác kỹ thuật về các chủ đề như Khu vực hợp tác, Điều hướng, Các vấn đề pháp lý, Đánh giá tài nguyên và Bảo vệ môi trường biển được Djalal và Townsend-Gault mô tả một cách hữu ích.¹³ Đã có thỏa thuận tìm kiếm và thúc đẩy thực hiện chung các chương trình hợp tác đã thống nhất và điều này thể hiện một số tiến bộ trong khu vực. Tuy nhiên, trong khi các cuộc đàm phán có hiệu quả trong việc xây dựng lòng tin và khám phá các lĩnh vực cùng quan tâm, vẫn chưa đạt được tiến bộ nào về vấn đề cốt lõi là các yêu sách lãnh thổ và hàng hải xung đột trong khu vực.

4. Luật pháp quốc tế có thể đóng vai trò gì trong việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ và biên giới?

Tranh chấp biên giới ở Biển Đông đặt ra những câu hỏi cơ bản về luật pháp quốc tế.

Nổi bật trong số những câu hỏi như vậy là tính hợp lệ của các yêu sách chủ quyền đang tranh chấp đối với các đảo hoặc lãnh thổ. Việc xác định quyền đối với chủ quyền lãnh thổ là rất quan trọng đối với mọi hoạt động phân định ranh giới vì, như Tòa án Công lý Quốc tế đã nhắc lại, quyền của một quốc gia đối với thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế “dựa trên nguyên tắc đất liền thống trị biển”.¹⁴ Thông qua hình chiếu của bờ biển hoặc các mặt trận ven biển”.

¹⁴ Trong các vụ Thềm lục địa Biển Bắc năm 1969, Tòa án này nhận xét rằng “đất đai là nguồn quyền lực hợp pháp mà một quốc gia có thể thực thi đối với phần mở rộng lãnh thổ ra biển”.¹⁵ Một lần nữa ở Tunisia/Libya, ICJ nhận thấy rằng “bờ biển của lãnh thổ của quốc gia là yếu tố quyết định quyền sở hữu đối với các khu vực tàu ngầm liền kề với quốc gia đó”.¹⁶ Tranh chấp về các vùng biển và thềm lục địa của Biển Đông cuối cùng dựa trên nơi có chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa và các đảo khác. Vì vậy, trước khi xem xét các nguyên tắc pháp lý về phân định biển, trước tiên cần xem xét các nguyên tắc điều chỉnh chủ quyền lãnh thổ.

Một khi câu hỏi liệu một quốc gia có quyền sở hữu hợp lệ đối với lãnh thổ mà họ tuyên bố chủ quyền hay không đã được giải quyết, cuộc điều tra có thể chuyển sang câu hỏi thứ hai về giá trị pháp lý của các đường biên giới trên biển được phân định đối với lãnh thổ đó. Thật tình cờ là Tòa án Công lý Quốc tế gần đây đã đưa ra quan điểm của mình vào ngày 3 tháng 2 năm 2009 về tranh chấp giữa Rumania và Ukraine về việc phân định một đường biên giới trên biển duy nhất giữa họ, được gọi là Vụ án Biển Đen. Quyết định này khẳng định phán quyết trước đó của Tòa án về phân định ranh giới trên biển và cung cấp hướng dẫn có giá trị về tính hợp pháp của các ranh giới được phân định ở Biển Đông.

¹² Để biết mô tả về các biện pháp xây dựng lòng tin được ASEAN hỗ trợ, xem Schofield và Story op cit n. 4.

¹³ Op cit n. 1.

¹⁴ Vụ việc liên quan đến phân định biển ở Biển Đen (Romania v Ukraine) (Vụ việc Biển Đen) ICJ Reps 2008, đoạn 77.

¹⁵ Đại diện ICJ 1969, đoạn 96

¹⁶ Phán quyết của Đại biểu ICJ 1982, đoạn 73

5. Nguyên tắc quốc tế về thụ đắc lãnh thổ

Các nguyên tắc pháp lý quốc tế chi phối việc một quốc gia giành được chủ quyền lãnh thổ đã là chủ đề của nhiều quyết định của Tòa án Công lý Quốc tế và các cơ quan trọng tài quốc tế khác và việc phân tích việc áp dụng các nguyên tắc vào thực tế đã tồn tại hàng nghìn trang phân tích của Tòa án. . Mặc dù nó không nhằm mục đích lặp lại các nguyên tắc chủ quyền cổ điển này ở bất kỳ mức độ sâu nào, nhưng nó có thể có giá trị cho mục đích thảo luận rộng hơn để hiểu được sự phức tạp của lý luận làm cơ sở cho các phán quyết tư pháp về các tranh chấp chủ quyền lãnh thổ mà cuối cùng các vùng biển và thềm lục địa tuyên bố chủ quyền. phụ thuộc.

Các cơ quan pháp lý quốc tế thường xác định năm phương thức giành được chủ quyền lãnh thổ mà về mặt lý thuyết có thể được coi là các phương thức giành được riêng biệt. Họ đang:

- Chiếm giữ lãnh thổ vô chủ, tức là lãnh thổ không thuộc sở hữu của ai
- Đơn thuốc, theo đó quyền sở hữu có được bằng cách sở hữu bất lợi cho người nắm giữ quyền sở hữu trừu tượng
- Nhượng lại hoặc chuyển nhượng theo hiệp ước, phương thức chủ yếu để xác định ranh giới lãnh thổ đã đồng ý
- Sự bồi tụ, trong đó sự lắng đọng dần dần của đất làm thay đổi đường nét của đất
- Chinh phục.

Những phương tiện mua lại này cung cấp một khuôn khổ thuận tiện, mặc dù đơn giản và gây nhầm lẫn, để hiểu quá trình mà luật pháp quốc tế công nhận quyền sở hữu lãnh thổ. Đúng hơn, các tòa án và trọng tài quốc tế đã miễn cưỡng đưa ra các phán quyết của họ theo “sự phân loại rõ ràng được người soạn thảo văn bản chuẩn bị cho họ”. Trong thực tế, các tòa án có xu hướng bỏ qua nguồn gốc truyền thống của quyền sở hữu hoặc dựa vào hai hoặc nhiều phương thức giành quyền sở hữu chồng chéo nhau, do đó làm xáo trộn những nỗ lực tiếp theo nhằm đưa việc trao quyền sở hữu vào bất kỳ phạm trù lý thuyết nào. Điều quan trọng cần nhớ là Điều 4 của Hiến chương Liên hợp quốc nghiêm cấm “đe dọa hoặc sử dụng vũ lực chống lại sự toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của bất kỳ quốc gia nào”, do đó, ít nhất kể từ năm 1945, một quốc gia không còn có thể giành được lãnh thổ bằng cách chinh phục.

Trong khi các phương thức chiếm đoạt lãnh thổ truyền thống đã được công nhận rộng rãi, các tòa án quốc tế chủ yếu quan tâm đến việc áp dụng luật đối với các sự việc phức tạp, thay vì các khái niệm trừu tượng về tài sản hoặc quyền sở hữu. Trên thực tế, các thẩm phán sẽ xem xét một loạt các học thuyết pháp lý và công bằng – vai trò của sự công nhận, sự đồng tình và sự phản đối – cùng với những bằng chứng không đi sâu vào nguồn gốc chính thức của quyền sở hữu. Ví dụ, các tòa án đã tính đến vai trò của việc phát hiện, các khái niệm về vùng nội địa và sự tiếp giáp cũng như học thuyết về quyền sở hữu ban đầu khi xác định sức mạnh tương đối của các yêu sách cạnh tranh về chủ quyền. Một số nhận xét chung có thể giúp hiểu được tính phức tạp của các vấn đề này sinh từ các yêu sách tranh chấp và chồng chéo ở Biển Đông. Rõ ràng là khi có hai bên tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, tòa án quốc tế trong một vụ kiện tranh chấp sẽ đưa ra quyết định có lợi cho bên này hoặc bên kia, chủ yếu vì đó sẽ là nhiệm vụ được thỏa thuận mà tòa án cho phép. Ít được quan sát hơn là phán quyết chỉ xác định quốc gia nào trong số này có danh hiệu mạnh hơn hoặc tốt hơn, tác dụng thực tế của nó là trao danh hiệu và chúng erga omnes, tức là chống lại toàn thế giới. Về nguyên tắc, quyết định của tòa án rằng quyền sở hữu thuộc về quốc gia này chứ không phải quốc gia khác không thể tước bỏ quyền của quốc gia thứ ba. Hậu quả là phán quyết hoặc quyết định của tòa án quốc tế không thể là phương tiện chính thức để giành được quyền sở hữu. Tuy nhiên, trên thực tế, đúng là chưa có Quốc gia nào tranh chấp quyền sở hữu đối với lãnh thổ đã được tòa án công nhận theo cách này. Do đó, Quốc gia chiến thắng xuất hiện từ một quyết tâm đối địch quốc tế với đầy đủ các cạm bẫy về chủ quyền tuyệt đối.

Điều này cũng đúng, rằng nhiều quyết định cổ điển về chủ quyền lãnh thổ có liên quan đến những hòn đảo có vẻ khó hiểu, cách xa vùng đất liền của các quốc gia yêu sách hàng dặm, nơi có thể đưa ra một kết luận thuyết phục hơn rằng cả hai bên đều không xác lập được chủ quyền một cách thỏa đáng và lãnh thổ đó vẫn là lãnh thổ vô chủ. . Những điểm này nhấn mạnh khả năng có thể để tòa án quốc tế xác định rằng không quốc gia tranh chấp nào đáp ứng thỏa đáng các tiêu chuẩn yêu cầu của luật pháp quốc tế về chủ quyền lãnh thổ. Điểm này đặc biệt phù hợp trong bối cảnh quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, bởi vì các bên yêu sách không thực hiện các hành vi chủ quyền truyền thống trên các đảo không hiểu khách, không có người ở và bị cô lập này.

Việc khám phá lãnh thổ đơn thuần, chỉ được chứng minh bằng việc xuống tàu hoặc nhận thức bằng mắt, không phải và có lẽ chưa bao giờ là cơ sở đủ để có được quyền sở hữu đối với lãnh thổ vô chủ. Là cha đẻ của Luật quốc tế, Hugo Grotius đã lý luận, “hành động khám phá chỉ đủ để trao danh nghĩa rõ ràng cho chủ quyền khi nó đi kèm với sự chiếm hữu thực sự”. Cách tiếp cận này sau đó đã được Tòa án Công lý Quốc tế thường trực trong vụ đảo Palmas củng cố, trong đó Thẩm phán Huber nhận thấy rằng “sự thể hiện thực tế, liên tục và hòa bình các chức năng của Nhà nước là trong trường hợp có tranh chấp, tiêu chí hợp lý và tự nhiên về chủ quyền lãnh thổ”. Tòa án Công lý Quốc tế Thường trực đã giải thích chi tiết về khái niệm thể hiện chức năng nhà nước trong Vụ Đông Greenland khi nói rằng:

“Một yêu sách về chủ quyền không dựa trên một Đạo luật hoặc Danh hiệu cụ thể nào đó chẳng hạn như một hiệp ước chuyển nhượng, mà chỉ dựa trên việc tiếp tục thể hiện thẩm quyền, bao gồm hai yếu tố, mỗi yếu tố phải được chứng minh là tồn tại: ý định và ý chí hành động với tư cách là chủ quyền và một số yếu tố thực tế thực hiện hoặc thể hiện quyền lực đó.”

Các tòa án quốc tế sau đó đã xác nhận các yếu tố thiết yếu của chủ quyền lãnh thổ là ý định và ý chí hành động với tư cách là chủ quyền cũng như việc thực thi quyền lực đó trên thực tế. Các tòa án đã thận trọng xác định rằng yếu tố chủ quan của ý định đòi hỏi bằng chứng phải trực tiếp dẫn chiếu đến giả thuyết rằng có tồn tại chủ quyền. Hầu hết các tranh chấp đều liên quan đến việc xem xét chi tiết các biểu hiện của thẩm quyền nhà nước được mô tả là có hiệu lực. Các loại bằng chứng đáp ứng yêu cầu thể hiện quyền lực nhà nước hầu như là vô hạn và không phải lúc nào cũng rõ ràng tại sao các tòa án quốc tế lại thiên vị một số hành vi này hơn các hành vi khác. Ví dụ về các hoạt động đã được chứng minh là có trọng lượng trong các quyết định là khẳng định quyền tài phán hình sự, duy trì sổ đăng ký tàu đánh cá, xây dựng cơ sở neo đậu, dựng cột tín hiệu và ngọn hải đăng, ban hành giấy phép săn bắn và đánh cá, ủy nhiệm cho quan tòa, thiết lập các trạm khí tượng, cấp giấy phép chăn thả gia súc và đánh thuế. Bản thân những biểu hiện như vậy có rất ít giá trị vì mối quan tâm liên quan sẽ luôn là làm thế nào để cân bằng hành động của một quốc gia với hành động của quốc gia khác.

Cần lưu ý rằng các tòa án quốc tế thường xuyên xem xét các yếu tố không hoàn toàn bắt nguồn từ quyền sở hữu khi xem xét bên tranh chấp nào có yêu sách chủ quyền tốt hơn. Ngoài giá trị tương đối của bằng chứng và việc áp dụng quy trình cân bằng, các tòa án còn quan tâm đến việc thúc đẩy sự hòa hợp quốc tế bằng cách trao quyền cho một bên tranh chấp thay vì một bên khác để tránh khoảng trống pháp lý. Điều quan trọng trong số các yếu tố đó là sự công nhận, sự đồng tình và sự phản đối nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho một quyết định quốc tế dựa trên sự đồng ý rõ ràng hoặc ngầm hoặc thiện chí của các quốc gia liên quan. Đặc biệt, sự công nhận và đồng tình cung cấp bằng chứng chứng minh có giá trị để bổ sung bằng chứng cạnh tranh và không thuyết phục về hoạt động kiểm soát và hoạt động hiệu quả của Chính phủ. Ngoài những yếu tố này còn có những ảnh hưởng đương thời đối với việc xác định việc giành được lãnh thổ, đặc biệt là quyền tự quyết của các dân tộc, một yếu tố đóng vai trò quan trọng trong vụ Đông Timor và quyền của người dân bản địa đối với lãnh thổ. Các khái niệm khác, chẳng hạn như “di sản chung của nhân loại”, có thể đóng một vai trò nào đó ở đáy biển sâu, không gian vũ trụ và Nam Cực.

Ngoài những khái niệm này còn có một số quy tắc mang tính kỹ thuật hơn như nguyên tắc của luật liên thời gian và yêu cầu xác định “ngày quan trọng”. Chức năng của khái niệm luật liên thời gian là tạo ra hiệu lực cho nguyên tắc chung chống lại hiệu lực hồi tố và biểu thị rằng “hiệu lực của một hành vi phải được xác định bởi luật của thời điểm nó được thực hiện chứ không phải bởi luật”. thời điểm đưa ra yêu cầu bồi thường”. Chức năng của cái gọi là “ngày quan trọng” là xác định giá trị pháp lý dành cho bằng chứng về chủ quyền. Cơ sở căn bản để xác định ngày quan trọng nằm ở việc đảm bảo rằng các hoạt động của một quốc gia không được thực hiện nhằm mục đích cải thiện vị thế pháp lý của mình thông qua “các thủ đoạn giả tạo”. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các hoạt động của chính phủ diễn ra sau ngày quan trọng vẫn có thể tỏ ra hữu ích trong việc xác nhận hoặc bác bỏ các yêu cầu bồi thường. Rõ ràng, ngày có thể không muộn hơn ngày tổ chức tố tụng.

Phán quyết của ICJ trong vụ Sipidan và Ligitan mang lại tiền lệ hữu ích cho Biển Đông

Biển vì Tòa án đã trao chủ quyền đối với các đảo cho Malaysia trên cơ sở các bằng chứng hiệu lực mà Tòa án có thể chứng minh. Malaysia có thể chỉ ra nhiều hành động quản lý khác nhau chứng tỏ việc thực thi quyền lực một cách hiệu quả đối với các đảo. Hơn nữa, Malaysia có thể dựa vào các biện pháp thuộc địa trước đó được Anh áp dụng ở Bắc Borneo để quản lý việc lấy trứng rùa từ các đảo cũng như việc xây dựng và vận hành các ngọn hải đăng ở đó. Tòa án cũng thấy rằng Indonesia không đưa ra phản đối nào đối với các hoạt động này.

6. Vùng biển đảo

Các tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông liên quan đến các hòn đảo tương đối gần cỗi, cách xa các vùng đất lục địa của các quốc gia yêu sách xung quanh. Có ít nhất ba câu hỏi pháp lý nảy sinh để xác định trong bối cảnh phân định một ranh giới biển duy nhất giữa các quốc gia.

- Đầu tiên, khi nào một tảng đá có thể được coi là một hòn đảo? • Thứ

hai, khi nào một hòn đảo có lãnh hải, thềm lục địa và vùng đặc quyền? khu kinh tế?

- Thứ ba, sự hiện diện của một hòn đảo có phải là một “tình huống liên quan” đảm bảo cho việc điều chỉnh đường cách đều tạm thời được xác định bởi tòa án quốc tế hay không?

Về định nghĩa pháp lý về đảo, Điều 121 (3) của UNCLOS yêu cầu đảo phải có khả năng duy trì nơi cư trú của con người hoặc có đời sống kinh tế riêng. Bất chấp phán quyết ủng hộ chủ quyền của Malaysia bởi ICJ trong vụ Sipidan và Ligitan, Indonesia có thể lập luận rằng, trong mọi trường hợp, các đảo không tạo ra quyền đối với vùng biển ngoài lãnh hải 12 hải lý.

Thật không may, ICJ đã không quyết định câu hỏi quan trọng này và việc mô tả đặc điểm vẫn còn bỏ ngỏ trong bối cảnh quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Ngay cả khi một tòa trọng tài hoặc tòa án quốc tế quyết định rằng một bãi đá có quy chế của một hòn đảo, tòa án đó có thể quyết định không tính đến các đảo rất nhỏ hoặc quyết định không trao cho chúng quyền được hưởng đầy đủ các vùng biển nếu làm như vậy có tác động không cân xứng. trên đường phân định đề xuất.¹⁷

7. Phân định biên giới biển

Khi không có tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ, loại tranh chấp thứ hai liên quan đến việc phân định thềm lục địa và biển giữa các quốc gia cạnh tranh. Đã có một người giàu có

cơ quan luật học được phát triển bởi Tòa án Công lý Quốc tế và các tòa trọng tài giải quyết vấn đề phân định thềm lục địa và biển. Như đã lưu ý trước đó, phần lớn phán quyết này đã được ICJ xác nhận trong Vụ liên quan đến phân định biển ở Biển Đen (Romania v Ukraine) (Vụ Biển Đen). Quyết định này đòi hỏi phải có sự phân tích chặt chẽ vì nó làm sáng tỏ các nguyên tắc sẽ được áp dụng khi các tranh chấp phân định ranh giới ở Biển Đông được đưa ra phán quyết theo tòa án hoặc trọng tài. Điều này đặc biệt đúng vì Biển Đen, giống như Biển Đông, là một vùng nước khép kín được nối với Biển Địa Trung Hải chỉ bằng Eo biển Dardanelles, Biển Marmara và Bosphorus.

Tòa án quyết định rằng Tòa án có thẩm quyền giải quyết vấn đề tranh chấp giữa Romania và Ukraine theo một thỏa thuận được họ ký kết năm 1997 rằng ICJ có thể giải quyết “vấn đề phân định thềm lục địa và các vùng đặc quyền kinh tế” ở Biển Đen. Sau đó, Tòa án chuẩn bị vẽ một ranh giới biển duy nhất phân chia các khu vực biển của Romania và Ukraine phù hợp với các điều khoản của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) mà cả hai quốc gia đều là thành viên. Nói tóm lại, các điều khoản quan trọng là Điều 74 và 83 yêu cầu việc phân định thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế tương ứng phải được thực hiện bằng thỏa thuận dựa trên luật pháp quốc tế để đạt được “giải pháp công bằng”.

7.1 Vai trò của sự cân xứng

Một trong những nhiệm vụ sơ bộ do Tòa án thực hiện là xác định các bờ biển tương ứng của Romania và Ukraina, nơi tạo ra quyền đối với thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của họ. Một lý do để làm như vậy là để kiểm tra, trong giai đoạn cuối của quá trình phân định, liệu có bất kỳ “sự không cân xứng nào tồn tại trong tỷ lệ chiều dài bờ biển của mỗi quốc gia và các vùng biển nằm ở hai bên đường phân định” hay không.

Tòa án cũng xác định “khu vực hàng hải liên quan” và nói rằng:

17

Libya/Malta, Đại biểu ICJ 1985, Đoạn 64; Qatar đấu với Bahrain. Đại diện ICJ 2001, đoạn 219; Nicaragua v Honduras, Phán quyết ngày 8 tháng 10 năm 2007, các đoạn 302 và tiếp theo.

Mục đích của việc phân định không phải là phân chia các phần diện tích bằng nhau hay thực tế là phân chia theo tỷ lệ. Việc kiểm tra tính không cân xứng bản thân nó không phải là một phương pháp phân định. Đúng hơn, nó là một phương tiện để kiểm tra xem đường phân định đạt được bằng các phương tiện khác có cần điều chỉnh hay không vì sự mất cân đối đáng kể về tỷ lệ giữa các khu vực biển sẽ thuộc về bên này hay bên kia do đường phân định đạt được bằng các phương tiện khác, và chiều dài bờ biển tương ứng của chúng. [Đoạn 110].

ICJ đồng ý với quan sát của Tòa Trọng tài trong Vụ Thềm lục địa Anh-Pháp (RIAA, Quyển XVII, đoạn 101) rằng:

.chính sự không cân xứng, chứ không phải bất kỳ nguyên tắc chung nào về tỷ lệ, mới là tiêu chí hoặc yếu tố liên quan.không bao giờ có thể là vấn đề về việc đổi mới hoàn toàn bản chất.đúng hơn đó là vấn đề khắc phục sự không cân xứng và những tác động bất bình đẳng do các cấu hình hoặc đặc điểm địa lý cụ thể tạo ra.

Tòa án nhận thấy chiều dài bờ biển liên quan của Romania là khoảng 248 km và của Ukraine là 705 km, có tỷ lệ với nhau là 1:2,1. Bất chấp sự không cân xứng rõ ràng này, Tòa án đã kết luận trong giai đoạn quyết định cuối cùng rằng không cần thiết phải điều chỉnh đường ranh giới vì theo quan điểm của Tòa án “không có sự bất cân xứng lớn nào được thể hiện rõ ràng”(đoạn 122). Tòa án khẳng định rằng “việc chia sẻ ra khỏi các khu vực do đó là hệ quả của việc phân định chứ không phải ngược lại”.

7.2 Phương pháp phân định

Sau khi xác định khu vực biển liên quan, Tòa nhận thấy rằng phương pháp phân định đã “trong những thập kỷ gần đây được xác định một cách chính xác”, nhấn mạnh quan điểm đã đưa ra trước đó rằng luật pháp quốc tế ít nhất đưa ra hướng dẫn tương đối rõ ràng. Việc phân định một ranh giới biển duy nhất được tiến hành theo ba giai đoạn. Đầu tiên, Tòa án thiết lập một đường tạm thời sử dụng các đường khách quan về mặt hình học phù hợp với địa lý khu vực. Một đường cách đều sẽ được áp dụng giữa các bờ biển liên kề, trừ khi có lý do thuyết phục để làm khác. Đối với các bờ biển đối diện, đường trung tuyến sẽ được thông qua. Các đường trung tuyến và cách đều này được vẽ từ các điểm cơ sở do Tòa án lựa chọn, phụ thuộc vào vị trí địa lý tự nhiên và các điểm hướng ra biển nhất của hai bờ biển. Điều quan trọng cần lưu ý là Tòa án sẽ không nhất thiết phải áp dụng các điểm cơ sở được các quốc gia tranh chấp lựa chọn để vẽ lãnh hải của họ, vì lý do hiển nhiên là các quốc gia sẽ chọn điểm có lợi nhất cho lợi ích của họ. Tòa nhận thấy rằng việc xác định đường cơ sở để đo chiều rộng của thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế cũng như xác định các điểm cơ sở để vẽ đường cách đều/ đường trung tuyến “là hai vấn đề khác nhau”.

Mặc dù cả hai quy trình đều tuân theo luật pháp quốc tế nhưng Tòa án không bị ràng buộc bởi việc lựa chọn các điểm cơ bản do nhà nước đưa ra. Đúng hơn, Tòa quan tâm đến việc lựa chọn các điểm bằng cách tham chiếu đến “địa lý tự nhiên” của các bờ biển liên quan.

Thứ hai, Tòa án sẽ xem xét liệu có yếu tố nào đòi hỏi phải điều chỉnh đường ranh giới tạm thời để đạt được kết quả công bằng hay không. Tòa cũng xác nhận quan điểm trước đó của mình trong vụ Nicaragua v Honduras rằng “cái gọi là phương pháp nguyên tắc công bằng/các tình huống liên quan có thể được áp dụng một cách hữu ích, vì ở các vùng biển này, phương pháp này cũng phù hợp để đạt được kết quả công bằng”.¹⁹

Thứ ba, Tòa án sẽ đảm bảo rằng đường tạm thời, khi được điều chỉnh khi thích hợp, sẽ không dẫn đến kết quả không công bằng vì lý do không cân xứng.

Thông qua phương pháp luận ba giai đoạn này, Tòa án đã lựa chọn các điểm cơ bản có liên quan. Điều quan trọng đối với quá trình này là việc xác định đặc điểm pháp lý của một hòn đảo - Đảo Rắn - điều này tỏ ra rất quan trọng đối với quyết định cuối cùng. Vì hòn đảo này nằm đơn độc, cách đất liền 20 hải lý nên Tòa án không coi nó là một phần của cụm đảo rìa cấu thành một phần bờ biển của Ukraina, như trường hợp trong vụ trọng tài về Đường hàng hải ở Eritrea và Yemen.

²⁰ Tòa án lập luận rằng:

¹⁸ Đoạn 137
¹⁹ Phán quyết ngày 8 tháng 10 năm 2007, đoạn 271
²⁰ RIAA Tập XXII (2001) đoạn 139-146

Việc coi Đảo Serpents là một phần có liên quan của bờ biển sẽ giống như việc ghép một yếu tố ngoại lai vào bờ biển của Ukraine; hậu quả sẽ là việc đổi mới tư pháp về địa lý, điều mà cả luật lẫn thực tiễn phân định biển đều không cho phép.

Trên cơ sở này, Tòa án kết luận rằng Đảo Rân không thích hợp để lựa chọn các điểm cơ sở cho đường cách đều.

Một điểm cơ bản khác trong cuộc tranh cãi là Bán đảo Sacalin, Ukraine cho rằng đó chỉ là một “cát cát” cần phải loại bỏ. Tòa án bác bỏ quan điểm này và công nhận Bán đảo là một điểm cơ sở trên cơ sở nó thuộc về đất liền, là một phần của lục địa Romania và được lộ ra khi thủy triều lên. (đoạn 129). Tòa cũng xem xét vai trò của “các yếu tố vật chất” như Đê Sulina dài 7,5 km kéo dài ra biển trong việc xác định điểm cơ sở. Điều II của UNCLOS quy định rằng các quốc gia khi phân định lãnh hải có thể sử dụng “các công trình bến cảng lâu dài ngoài cùng là một bộ phận không thể thiếu của hệ thống bến cảng” và “được coi là một phần của bờ biển”. Tòa nhận thấy rằng không có bằng chứng thuyết phục nào được đưa ra cho thấy Đê Sulina phục vụ bất kỳ mục đích trực tiếp nào trong các hoạt động của cảng và do đó loại trừ nó như một điểm cơ sở. (đoạn 138) Tuy nhiên, đầu đê về phía đất liền vẫn được chấp nhận là điểm cơ sở phù hợp vì nó đại diện cho một điểm cố định trên đất liền.

7.3 Các trường hợp liên quan có thể sử dụng để dịch chuyển đường cách đều tạm thời

Sau khi đã xác định được những điểm cơ bản nào cần áp dụng, Tòa án sau đó chuyển sang câu hỏi liệu có đạt được “kết quả công bằng” hay không. Để xác định tính công bằng trong kết quả của đường tạm thời do Tòa án vạch ra (một đường khác với đường được Ukraine hoặc Romania lựa chọn), Tòa án đã xem xét các “hoàn cảnh liên quan” có thể cần điều chỉnh. Ở giai đoạn này, việc phân tích quay trở lại vấn đề mất cân đối giữa chiều dài của hai đường bờ biển. Tòa án nhận thấy rằng:

Đoạn 163 .chiều dài tương ứng của bờ biển không có vai trò gì trong việc xác định đường cách đều đã được thiết lập tạm thời. Phân định là một chức năng khác với việc phân chia tài nguyên hoặc diện tích.Không có nguyên tắc tương xứng nào áp dụng cho việc thiết lập đường cách đều tạm thời ban đầu.

Đoạn 164 Khi sự chênh lệch về chiều dài bờ biển được thể hiện rõ ràng, Tòa án có thể chọn coi thực tế về địa lý đó là một tình huống liên quan đòi hỏi phải thực hiện một số điều chỉnh đối với đường cách đều tạm thời.

Khi xem xét các quyết định trước đó của Tòa án về các tình huống có thể được tính đến khi xem xét liệu có nên dịch chuyển đường cách đều hay không, Tòa án đã xác nhận phán quyết của mình rằng không cần “ứng dụng trực tiếp và toán học về mối quan hệ giữa chiều dài” của đường trung bình. bờ biển tương ứng”. (đoạn 166) Lý do cho điều này là do không có sự ủng hộ cho mối quan hệ trực tiếp trong thực tiễn nhà nước và thực tế là việc áp dụng chặt chẽ nguyên tắc tỷ lệ sẽ có xu hướng loại trừ tất cả các cân nhắc khác. Chỉ khi nào có “sự mất cân đối đáng kể” về chiều dài bờ biển thì đây mới là căn cứ để điều chỉnh đường tạm thời. (đoạn 167). Về thực tế địa lý, Tòa nhận thấy không có sự chênh lệch “đặc biệt rõ rệt” giữa các bờ biển liên quan của Ukraine và Romania và không cần điều chỉnh để đảm bảo kết quả công bằng.

Romania cũng lập luận rằng tính chất khép kín của Biển Đen và “địa lý biển chung” của nó, cùng với hai thỏa thuận phân định giữa Thổ Nhĩ Kỳ với Liên Xô và Thổ Nhĩ Kỳ và Bulgaria là “những hoàn cảnh liên quan” đòi hỏi phải điều chỉnh đường ranh giới tạm thời. Tòa án dường như chấp nhận rằng những yếu tố này là có liên quan nhưng không giải thích thêm và kết luận rằng chúng không chỉ ra bất kỳ điều chỉnh nào là cần thiết (đoạn 178)

7.4 Vai trò của Quần đảo trong hoàn cảnh liên quan

Romania và Ukraine bất đồng về đặc điểm và vai trò của Đảo Rân trong mục đích phân định. Tòa xem xét liệu hòn đảo này có phải là một “tình huống liên quan” cần sửa đổi đường tạm thời hay không và kết luận rằng nó sẽ không có tác dụng gì đối với việc phân định, ngoại trừ đối với cung 12 hải lý của lãnh hải của mình. Lý do được đưa ra để loại trừ đảo như một yếu tố liên quan để đạt được kết quả công bằng là bất kỳ quyền lợi hàng hải nào:

.có thể được tạo ra bởi Đảo Serpents không thể mở rộng ra xa hơn các quyền được tạo ra bởi bờ biển đất liền của Ukraina do giới hạn phía Nam của các khu vực phân định như được Tòa án xác định.Hơn nữa, bất kỳ quyền lợi nào có thể được tạo ra bởi Đảo Serpents theo hướng đồng đều hoàn toàn được chấp nhận được bao gồm bởi các quyền được tạo ra bởi chính bờ biển phía tây và phía đông đất liền của Ukraine. (đoạn 187)

Nói tóm lại, hòn đảo này không thể tạo ra các vùng biển vượt quá giới hạn đất liền của Ukraine. Hậu quả của phân tích này là, một lần nữa, Tòa án có thể tránh đạt được bất kỳ quan điểm nào về tình trạng pháp lý của một hòn đảo theo điều 11 của UNCLOS.

7.5 Cách ứng xử của các Bên: nhượng quyền khai thác dầu mỏ, đánh cá và tuần tra hải quân

Chúng ta đã thấy rằng các hoạt động của các quốc gia, bao gồm cả việc trao các hợp đồng dầu khí, các hoạt động quân sự hoặc đánh bắt cá, là những biện pháp có hiệu lực pháp lý phù hợp để xác định chủ quyền lãnh thổ.

Tuy nhiên, các tòa án quốc tế đã miễn cưỡng xem xét các hành động như vậy trong các vùng biển và vai trò của chúng vẫn chưa thể đoán trước được trong các tranh chấp riêng lẻ. Ukraine lập luận rằng cần phải tính đến hành vi thực tế của các bên tranh chấp để đánh giá tính hợp lệ của các yêu sách hàng hải tương ứng ở Biển Đen. Tòa án chỉ ra rằng Ukraine không cố gắng lập luận rằng các hoạt động của nhà nước có thể chứng minh sự tồn tại của đường hàng hải phát sinh từ thỏa thuận ngầm hoặc một *modus vivendi*. (đoạn 189). Đúng hơn, Ukraine nhấn mạnh rằng các hoạt động này, và việc thiếu các hoạt động đó, không phù hợp với yêu sách của Romania về phân định biển đã có từ trước trong khu vực tranh chấp.

ICJ trích dẫn phán quyết của Tòa án Trọng tài trong vụ Barbados và Trinidad và Tobago để kết luận rằng "[r]các tiêu chí liên quan đến tài nguyên đã được xử lý thận trọng hơn bởi các quyết định của các tòa án và tòa trọng tài quốc tế, vốn thường không áp dụng yếu tố này như một tình huống liên quan".²¹ Hơn nữa, Tòa án không muốn xem xét các hoạt động đánh bắt cá vì Ukraine không thể chứng minh rằng một đường dây khác ngoài đường của mình sẽ có "những hậu quả thảm khốc đối với sinh kế và phúc lợi kinh tế của người dân". (đoạn 198) Trên cơ sở này, Tòa án đã quyết định không xem xét các hoạt động của Ukraina như một tình huống liên quan.

7.6 Cân nhắc về bảo mật

ICJ đã quyết định rằng "các cân nhắc an ninh hợp pháp của các bên có thể đóng vai trò trong việc xác định đường phân định cuối cùng".²² Trong khi Romania lập luận rằng đường trung bình tạm thời do Ukraine vẽ ra nằm sát bờ biển Romania một cách bất hợp lý và xâm phạm các lợi ích an ninh của nước này, Tòa án nhận thấy mà không cần giải thích thêm rằng quy định của mình "hoàn toàn tôn trọng lợi ích an ninh hợp pháp" của cả hai bên.

7.7 Thảm quyền của ICJ trong vụ Biển Đen

Những phát hiện của ICJ trong vụ Biển Đen (Romania kiện Ukraine) nhất quán với luật pháp trước đây của ICJ và của các tòa án quốc tế khác. Phương pháp ba giai đoạn hiện nay đã được áp dụng trong việc phân định các vùng biển đơn lẻ. Chức năng tỷ lệ giữa chiều dài của bờ biển đối diện và bờ biển liền kề đã được thống nhất, mặc dù trên thực tế, tỷ lệ này hiếm khi được sử dụng trong thực tế để điều chỉnh đường tạm thời. Việc áp dụng Điều 11 đối với các bến cảng đã được làm rõ một cách hữu ích cùng với việc xác định đường bờ biển và vùng biển liên quan sẽ được phân định. Vai trò của các hòn đảo trong việc dịch chuyển đường này đã được xem xét. Các tình huống liên quan đến câu hỏi liệu đường tạm thời có đạt được kết quả công bằng hay không có thể bao gồm các hoạt động của một quốc gia trong khu vực tranh chấp, bao gồm cả việc nhượng bộ về dầu mỏ, đánh cá và tuần tra quân sự. Những cân nhắc về an ninh và nghĩa vụ không ngăn cản một quốc gia tiếp cận hợp lý các khu vực biển cũng có liên quan.

Bất chấp việc ICJ đã xác định trong vụ Biển Đen về các nguyên tắc pháp lý đã được giải quyết về phân định, việc một tòa án quốc tế sẽ áp dụng luật này như thế nào trong bối cảnh thực tế của tranh chấp trước khi vẫn chưa thể đoán trước được nhằm mục đích đưa ra lời khuyên pháp lý chính xác.

²¹ Giải thưởng ngày 11 tháng 4 năm 2006, RIAA, Tập. XXVII, đoạn. 24

²² Đại biểu ICJ Libya/ Malta 1985, para. 51

8. Biển kín hoặc nửa kín

Công ước Luật Biển 1982 quy định cụ thể các vùng biển kín hoặc nửa kín được xác định là:

.vịnh, lưu vực hoặc biển được bao quanh bởi hai hoặc nhiều quốc gia và được nối với biển hoặc đại dương khác bằng một lối thoát hẹp hoặc bao gồm toàn bộ hoặc chủ yếu là lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế của hai hoặc nhiều quốc gia ven biển .art. 122.

Không rõ liệu Biển Đông có thỏa mãn định nghĩa này hay không vì nó bao gồm nhiều hơn đáng kể vùng đặc quyền kinh tế và lãnh hải của các quốc gia biên giới và được liên kết với các vùng biển khác bằng các cửa ra tương đối rộng chứ không phải hẹp. Tuy nhiên, việc giải thích Điều 122 là vấn đề mang tính phán xét, Biển Đông có thể được mô tả một cách hợp lý là nửa khép kín do có sự chông chéo về lợi ích của các quốc gia xung quanh. Nếu Biển Đông được xác định như vậy, Công ước Luật Biển áp đặt nghĩa vụ chung đối với các quốc gia có biên giới phải "hợp tác với nhau trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo Công ước này". Nghĩa vụ hợp tác đòi hỏi họ phải phối hợp quản lý tài nguyên sinh vật, bảo vệ và giữ gìn môi trường biển

và nghiên cứu khoa học, bao gồm cả nghiên cứu chung khi thích hợp. Các quốc gia có biên giới cũng được yêu cầu mời "các quốc gia hoặc tổ chức quốc tế quan tâm khác hợp tác với họ" khi thích hợp. Vì các vấn đề như cướp biển, buôn bán ma túy và vũ khí, ô nhiễm biển, vận chuyển chất thải độc hại và người tị nạn đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ trong khu vực, nên thật hợp lý khi kết luận rằng tồn tại nghĩa vụ hợp tác chung đối với những vấn đề này.

Mặc dù có nghĩa vụ hợp tác trong các vấn đề đã được xác định, Điều 122 không đề cập đến việc khai thác các nguồn tài nguyên dầu khí không tái tạo. Không có nghĩa vụ hợp tác liên quan đến tài nguyên khoáng sản theo quy định này. Tuy nhiên, tài nguyên thêm lục địa được xem xét riêng biệt bởi một điều khoản khác của Công ước Luật Biển áp đặt nghĩa vụ hợp tác tương tự khi việc phân định thêm lục địa chưa được thống nhất giữa các quốc gia liên kề và đối diện. Điều 83

yêu cầu rằng:

Thỏa thuận đang chờ xử lý.các Quốc gia liên quan, trên tinh thần hiểu biết và hợp tác, sẽ nỗ lực hết sức để ký kết các thỏa thuận tạm thời có tính chất thực tế và, trong giai đoạn chuyển tiếp này, không gây nguy hiểm hoặc cản trở việc đạt được thỏa thuận cuối cùng. Những thỏa thuận như vậy sẽ không ảnh hưởng đến việc phân định cuối cùng.

Những quy định này của Công ước Luật Biển ủng hộ nguyên tắc rằng các quốc gia có biên giới ở Biển Đông phải hợp tác để quản lý các vấn đề khu vực và, với thiện chí, tìm cách ký kết các thỏa thuận tạm thời về thêm lục địa trong khi chờ thỏa thuận cuối cùng về ranh giới. Tuy nhiên, vẫn chưa rõ ràng "sự sắp xếp có tính chất thực tiễn" nghĩa là gì. Nó có thể chỉ đơn thuần là thỏa thuận về đánh bắt cá hoặc các vấn đề môi trường biển. Ví dụ, nếu một quốc gia bắt tay vào thăm dò hoặc khai thác dầu khí thì có thể Điều 83 sẽ yêu cầu một thỏa thuận để bảo vệ quyền của tất cả các quốc gia có liên quan. Tóm lại, không thể đoán trước được nội dung nghĩa vụ theo Điều 83; điều cần thiết duy nhất là các quốc gia phải đảm bảo các thỏa thuận được thống nhất nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của hoàn cảnh, bất kể chúng có thể là gì.

9. Luật quốc tế áp dụng cho các tranh chấp ở Biển Đông

Sau khi đã đặt ra các nguyên tắc điều chỉnh của luật pháp quốc tế, câu hỏi tiếp theo và khó khăn hơn là chúng được áp dụng như thế nào đối với các bằng chứng về chủ quyền ở Biển Đông. Chính xác hơn, nếu các tranh chấp được đưa ra xét xử quốc tế, tòa án có thể đưa ra kết luận gì?

Quần đảo Hoàng Sa, chỉ có hai bên yêu sách, được phân tích dễ dàng hơn.²³ Bằng chứng lịch sử ủng hộ quyền sở hữu của Việt Nam kể từ đầu thế kỷ 18 , việc quản lý hiệu quả đã được người Pháp đảm bảo trong thời kỳ thuộc địa. Yêu sách của Trung Quốc đối với quần đảo này sinh vào năm 1909 và dựa trên sự chiếm đóng cưỡng bức kể từ những năm 1960. Quan điểm tốt hơn là Trung Quốc không thể tuyên bố danh hiệu bằng cách chinh phục và

²³ Một phân tích đầy đủ về bằng chứng được cung cấp bởi M. Chemillier-Gendreau, *Sovereignty over the Paracel and Spratly Islands*, 2000.

Việt Nam đã nhiều lần phản đối để giữ vững danh hiệu lịch sử của mình. Trong những trường hợp này, luật pháp quốc tế có thể thừa nhận rằng Việt Nam có quyền chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa tốt hơn Trung Quốc.

Chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa khó được xác định dễ dàng hơn. Tuyên bố của Philippines, Trung Quốc,²⁴ Đài Loan và Malaysia có nguồn gốc tương đối gần đây và không được cho là được hỗ trợ bởi các hành động chiếm đóng hiệu quả. Thông qua sự chiếm đóng và quản lý của Pháp trong thời kỳ thuộc địa, Việt Nam dường như có yêu sách tương đối mạnh mẽ hơn đối với quần đảo Trường Sa so với các quốc gia khác. Nó được các hoàng đế An Nam tuyên bố chủ quyền từ xa xưa và kể từ năm 1956, nó đã chiếm đóng nhiều hòn đảo trong nhóm. Tuy nhiên, yêu sách của Việt Nam không phải là rõ ràng và nhiều yếu tố khác làm giảm sức mạnh của yêu sách này bao gồm các tuyên bố mâu thuẫn của chính phủ và việc ngừng chiếm đóng.

Việc coi vấn đề pháp lý ở Biển Đông là một trong những nguyên tắc thỏa mãn các nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ là giao phó các tranh chấp lãnh thổ và hàng hải cho việc phân tích không có kết quả các bằng chứng lịch sử và thực tế sẽ được đưa ra để hỗ trợ cho lập trường tương ứng của các bên tranh chấp. Tuy nhiên, có khả năng là những tranh chấp chủ quyền như vậy không có khả năng giải quyết bằng cách tham chiếu đến các nguyên tắc truyền thống của luật pháp quốc tế liên quan đến việc tiếp nhận lãnh thổ.

Như đã được quan sát, bất kỳ thỏa thuận nào đưa tranh chấp Quần đảo Trường Sa ra phán quyết của tòa án đều là có khả năng yêu cầu tòa án xác định rằng một nguyên đơn có quyền sở hữu cao hơn. Về mặt khách quan, kết luận có thể là không ai trong số các bên tranh chấp đưa ra lập luận thuyết phục về chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa. Một kết luận như vậy là không thể xảy ra về mặt chính trị và pháp lý. Trong khi Việt Nam cho biết có thể xem xét giải pháp tư pháp, Việt Nam, Malaysia và Trung Quốc chưa chấp nhận thẩm quyền bắt buộc theo điều 36(2) Quy chế của ICJ. Philippines đã ký “điều khoản tùy chọn” nhưng có bảo lưu loại trừ tranh chấp Trường Sa.²⁵ Cần phải xem xét các biện pháp khác để giải quyết tranh chấp hoặc tránh tranh chấp bằng một số hình thức hợp tác “trung lập về chủ quyền”. Có thể thỏa thuận về cơ cấu chung cư bằng hiệp ước, theo đó một số quốc gia có thể cùng nhau thực thi quyền lực trên một lãnh thổ duy nhất. Một đề xuất khác là Quần đảo Trường Sa có thể được quản lý bởi các bên yêu sách riêng lẻ bằng cách vẽ các khu vực xuyên qua quần đảo này. Giải pháp tạm thời khả thi nhất cho các vấn đề do khai thác các nguồn tài nguyên không tái tạo được là thỏa thuận cùng phát triển.

10 Cùng khai thác tài nguyên thềm lục địa

.Khi các cuộc thảo luận bế tắc, và chúng đã bế tắc bất chấp nỗ lực ngoại giao “theo dõi hai” trong thập kỷ qua, lựa chọn duy nhất còn lại là xem xét một số hình thức phát triển chung hoặc thỏa thuận hợp tác khác. Đề xuất rằng các quốc gia có thể “mở khóa” dầu khí ở các vùng biển tranh chấp hoàn toàn không phải là một đề xuất mới. Hợp tác quản lý chung các nguồn tài nguyên không tái tạo ở những nơi ranh giới chưa được phân định đã thành công ở Đông Timor và đối với Malaysia, Thái Lan, Việt Nam và Campuchia ở Vịnh Thái Lan. Sự hợp tác như vậy mang lại một phương tiện khai thác khả thi, đồng thời cũng để lại vấn đề nan giải về chủ quyền vào một ngày khác.

Các sáng kiến gần đây ở Biển Đông và khu vực cho thấy rằng hợp tác vẫn là một lựa chọn khả thi để quản lý các nguồn tài nguyên của khu vực và có thể được coi là một giải pháp thực tế ở Biển Đông. Một số ví dụ gần đây về sự hợp tác bao gồm:

- Tháng 6 năm 1992 Malaysia và Việt Nam Biên bản ghi nhớ thăm dò và khai thác dầu khí trong khu vực xác định của thềm lục địa giữa chúng
- Tháng 8 năm 1997 Hiệp định Thái Lan và Việt Nam tái phân định ranh giới trên biển.
- Tuyên bố của ASEAN về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông năm 2002 đã làm giảm bớt căng thẳng ở quần đảo Trường Sa, nhưng không mang tính ràng buộc về mặt pháp lý.

²⁴ M. Bennett, “PRC và việc sử dụng luật quốc tế trong tranh chấp quần đảo Trường Sa”, (1991-1992)

Tạp chí Luật Quốc tế Stanford, tr. 448.

²⁵ (1993-1994) Kỷ yếu của ICJ, 117-118

- Điều Ngự. Quần đảo Senkaku/Tiayutai (cách Tokyo 2.000 km về phía nam), được Trung Quốc, Nhật Bản và Đài Loan tuyên bố chủ quyền; Nhật Bản đã đơn phương tuyên bố về đường cách đều ở Biển Hoa Đông, nơi đang có hoạt động thăm dò chuyên sâu về hydrocarbon.
- Brunei và Malaysia vào tháng 9 năm 2008 đã đồng ý giải quyết các tranh chấp ngoài khơi và vùng nước sâu, tiếp tục thăm dò hydrocarbon và từ bỏ bất kỳ yêu sách lãnh thổ nào nữa.
- Tháng 3 năm 2005 các công ty dầu khí quốc gia của Trung Quốc, Philippines và Việt Nam đã ký một hiệp định chung về các hoạt động địa chấn biển ở quần đảo Trường Sa
- Các hiệp định về biên giới biển và nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc vào tháng 6 năm 2004, mặc dù đã có vẫn chưa được triển khai.
- Các báo cáo năm 2008 về một thỏa thuận giữa Nhật Bản và Trung Quốc nhằm hợp tác phát triển các mỏ dầu ở khu vực phía bắc Biển Hoa Đông,
- 2008 Trung Quốc và Đài Loan đồng ý cùng khai thác tài nguyên dầu khí ở eo biển Đài Loan và quần đảo Điều Ngự/Senkaku (Nhật Bản cũng tuyên bố chủ quyền).

11. Kết luận

Luật pháp quốc tế đã phát triển một hệ thống pháp lý nhất quán áp dụng cho các yêu sách lãnh thổ và hàng hải đang tranh chấp ở Biển Đông. Các cuộc điều tra mang tính học thuật và pháp lý về giá trị pháp lý của các khẳng định chủ quyền của quốc gia có thể cung cấp nền tảng cho việc phân tích pháp lý và phân định tư pháp đối với những tuyên bố này. Tuy nhiên, nghiên cứu và đàm phán ngoại giao cho đến nay vẫn chưa có kết quả trong việc giải quyết một số tranh chấp ở Biển Đông. Khi các bên tranh chấp tương ứng trong khu vực ngày càng quan tâm đến việc đảm bảo an ninh năng lượng trong tương lai của họ, họ có thể sẽ ít có xu hướng thỏa hiệp các tuyên bố chủ quyền của mình đối với các nguồn tài nguyên dầu mỏ giàu tiềm năng ngoài khơi. Trong trường hợp không có phán quyết của tòa án hoặc trọng tài quốc tế đối với những tranh chấp này, một số hình thức hợp tác chung có thể cung cấp phương tiện khả thi nhất để tiếp cận các nguồn tài nguyên, mặc dù trên cơ sở chung.

Những nỗ lực dự kiến trong vài năm qua nhằm đạt được sự hợp tác khu vực trong các vấn đề đáng quan tâm khác như quản lý môi trường biển, khủng bố, cướp biển và người tị nạn có thể tạo dựng niềm tin để giải quyết vấn đề phức tạp hơn về chủ quyền và ranh giới trên biển. Nhu cầu tiếp cận an toàn các nguồn tài nguyên dầu khí có thể đẩy nhanh quá trình này.

Thư mục

H. Djalal, "Tranh chấp đảo ở Biển Đông", Bản tin Động vật học Raffles, Supp. Số 8 (2000) 9-21.

JCK Daly, "Mối lo ngại về năng lượng và tranh chấp lãnh thổ chưa được giải quyết của Trung Quốc" Quý Jameson, Tóm tắt Trung Quốc, tập. 4, Số 24, ngày 7 tháng 12 năm 2004.

M. Chemilier-Gendreau, Chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Luật Quốc tế Kluwer, 2000.

C. Scholfield và I Storey, "An ninh năng lượng và Đông Nam Á: Tác động đối với các tranh chấp lãnh thổ và ranh giới biển", Harvard Asia Quarterly Võ. XI, số 4, 2005.

JV Prescott và G Triggs, Biên giới và ranh giới quốc tế: Luật, Chính trị và Địa lý, 2008, Brill.

G. Triggs, Luật quốc tế: Các nguyên tắc và thực tiễn đương đại, 2006, Lexis Nexis

MJ Valencia, JM Van Dyke và NA Ludwig, Chia sẻ tài nguyên Biển Đông, Hawaii, Nhà xuất bản Đại học Hawaii, 1999

S, Snyder, "Tranh chấp Biển Đông: Triển vọng cho Ngoại giao Phòng ngừa" tháng 8 năm 1996, Báo cáo Đặc biệt Số 18, Viện Hòa bình Hoa Kỳ.

J. Charney, Ranh giới hàng hải quốc tế Nijhoff

Hồng Thảo Nguyên, Phát triển chung ở Vịnh Thái Lan (1999) Bản tin An ninh và Ranh giới IBRU.